

Cẩn trọng khi “sùng bái” hạnh đầu đà

ISSN: 2734-9195 08:25 17/09/2024

Đầu đà (Sanskrit: Dhūtaguna, Pāli: Dhutanga) là nhóm phương pháp khổ hạnh mang tính chất tự nguyện trong Phật giáo, nhằm dứt trừ sự dính mắc, tham dục, phiền não.

Tác giả: **Vĩnh Thông**

Số 388/21 Bình Hòa, Bình Thủy, Châu Phú, An Giang

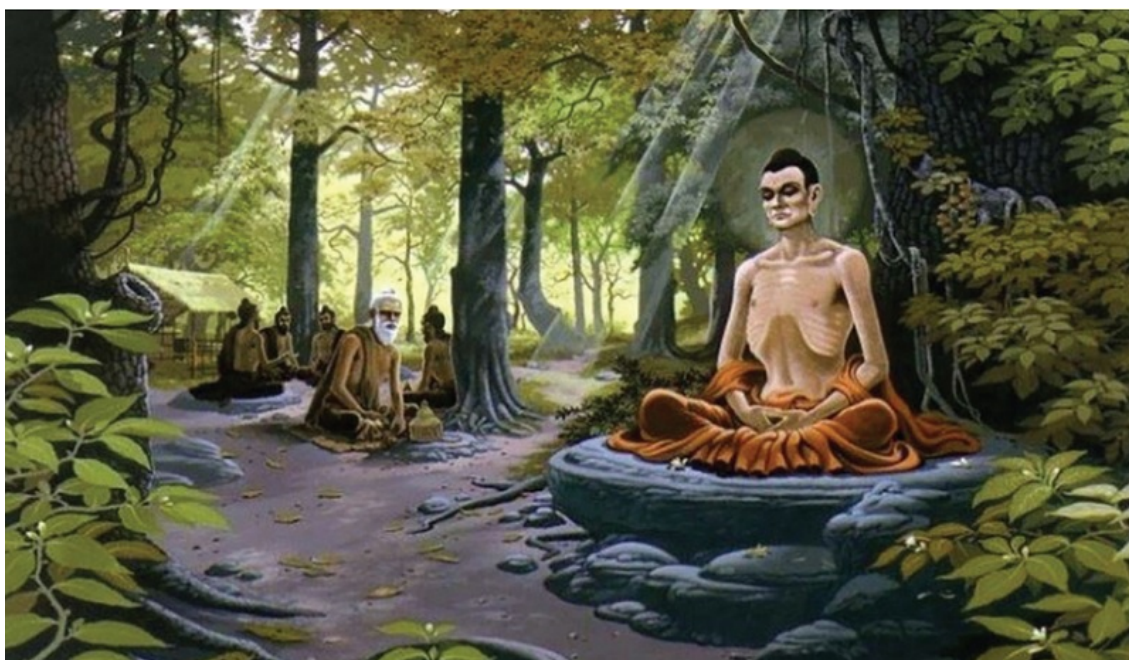
Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 9/2024

Đầu đà là một trong những phương pháp tu tập của Phật giáo. Thời đức Phật tại thế, hạnh đầu đà được một bộ phận Tăng chúng thọ trì. Ngày nay ở nhiều quốc gia, một số tỳ kheo vẫn thực hành lối tu này. Tuy nhiên, từ các hiện tượng mạng xã hội trong thời gian gần đây, không ít người đưa ra những nhận định chưa chính xác về hạnh đầu đà. Chẳng hạn, họ cho rằng hạnh đầu đà tái hiện hình ảnh Tăng đoàn thời đức Phật, thậm chí là con đường độc nhất để giải thoát... Tệ hại hơn, họ cho rằng đức Phật đã từ bỏ hạnh đầu đà vì “không giữ nổi” pháp hành này! Đó là những ý kiến cần trao đổi lại.

Đầu đà - Hạnh tu được đức Phật tán thán

Đầu đà (Sanskrit: Dhūtaguna, Pāli: Dhutanga) là nhóm phương pháp khổ hạnh mang tính chất tự nguyện trong Phật giáo, nhằm dứt trừ sự dính mắc, tham dục, phiền não. Danh từ này có nghĩa là sự thực hành để phiền não rơi rụng.

Các trường phái Phật học liệt kê hạnh đầu đà có khác biệt đôi chút. Theo Phật giáo Nam truyền, có 13 hạnh đầu đà gồm mặc y vá, mặc ba y, sống bằng khát thực, khát thực thứ lớp, ăn mỗi ngày một bữa, ăn bằng bát, không nhận thức ăn dư, ở rừng, ở gốc cây, ở ngoài trời, ở nghĩa địa, nghỉ chỗ nào cũng được, không nằm.(1) Theo Phật giáo Bắc truyền, có 12 hạnh đầu đà gồm sống nơi vắng vẻ, sống bằng khát thực, khát thực thứ lớp, ăn mỗi ngày một bữa, ăn vừa đủ, ăn giờ ngọ, mặc y vá, mặc ba y, ở gò mả, ở gốc cây, ở ngoài trời, không nằm.(2)



Để tìm hiểu chi tiết về hạnh đầu đà trong văn điển Phật giáo, tác phẩm Thanh tịnh đạo do Trưởng lão Buddhaghosa trước tác vào thế kỷ V có thể được xem là tiêu chuẩn. Ở đó, hạnh đầu đà được trình bày đầy đủ, đi kèm những hướng dẫn chi tiết để thực hành.

Nói về giá trị của pháp hành này, đức Thế Tôn từng tán dương hạnh đầu đà và ngài Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) - người thực hành hạnh đầu đà bậc nhất trong Tăng đoàn. Trong Bắc tạng, lời tán dương đó được tìm thấy ở phẩm “Nhập đạo” và phẩm “Chớ sợ” (bản dịch cũ là “Mạc úy”) thuộc kinh Tăng nhất A Hàm, bài kinh “Quá già” (bản dịch cũ là “Lực lão”) thuộc kinh Tạp A Hàm. Kinh có nội dung tương đương trong Nam tạng là bài kinh “Trở về già” thuộc kinh Tương ưng bộ. Các kinh văn nêu trên tường thuật cùng một sự việc. Đó là vào lúc ngài Kassapa già yếu, đức Phật khuyên từ bỏ hạnh đầu đà, nhưng ngài vẫn quyết lòng gìn giữ, bởi thế đức Phật tán dương gương hạnh ấy.

Tuy vậy về văn bản học, có những vấn đề cần xem lại. Trong Nam tạng, chỉ có bài kinh “Trở về già” thuộc kinh Tương Ưng Bộ đề cập sự việc này, nhưng liệt kê 9 hạnh và không trực tiếp nhắc đến từ “đầu đà”. Trái lại, Bắc tạng có ba phiên bản với nhiều khác biệt. Trong đó, phẩm “Nhập đạo” thuộc kinh Tăng nhất A Hàm và bài kinh “Quá già” thuộc kinh Tạp A Hàm có nội dung khá tương đồng với bài kinh “Trở về già” thuộc kinh Tương ưng bộ. Song, phẩm “Chớ sợ” thuộc kinh Tăng nhất A Hàm có thông tin nhiều hơn như dự đoán đời sống các tỳ kheo trong tương lai, phó chúc Pháp bảo, dặn dò lưu truyền ở kinh điển... Những thông tin này không có trong các bản kinh tương đương, nhưng khá giống với motif (mô típ) của văn học Đại thừa.

Đáng nói là gần đây, dựa vào lời tán dương của đức Phật dành cho hạnh đầu đà, không ít người diễn giải rằng pháp hành này là con đường tối thắng trong Phật giáo. Điều đó chưa chính xác. Chúng ta cần lưu ý, lời tán thán nói trên là sự khích lệ của bậc Đạo sư dành cho người đệ tử tinh tấn, đồng thời nêu gương cho nhiều người khác. Điều đó không đồng nghĩa phủ nhận những phương pháp tu tập khác, hay phê bình những tỳ kheo không thọ trì pháp hành này. Vả lại, trong 45 năm hoàng pháp, có phải đức Thế Tôn chỉ tán dương hạnh đầu đà một lần như thế, hay nói gì khác, ứng xử ra sao? Những điều đó thiết nghĩ chúng ta cần tìm hiểu thêm.



Hạnh đầu đà không có tính bắt buộc

Dù đức Thế Tôn tán dương người tu tập hạnh đầu đà, nhưng không phải mọi ngữ cảnh Ngài đều kêu gọi thọ trì pháp hành này. Có hai sự kiện chứng minh cho điều đó. Một là, ngay chính pháp thoại giữa đức Phật và Tôn giả Kassapa như đã trình bày. Khi đó, ngài Kassapa đã già yếu, đức Phật khuyên từ bỏ hạnh đầu đà. Nếu đây là “con đường độc nhất” trong tu tập thì đức Thế Tôn sẽ không khuyên từ bỏ.

Hai là, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) với âm mưu ly khai giáo hội đã nêu ra năm đề xuất, nội dung khá gần giống với một số hạnh đầu đà, như trợn đời sống trong rừng, trợn đời khát thực, trợn đời mặc y bằng vải lượm... đức Phật không đồng ý, Ngài nói rằng: “*Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng, vị nào muốn thì hãy cư ngụ ở trong làng. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khát thực, vị nào muốn thì hãy hoan hỷ việc thỉnh mời. Vị nào muốn thì hãy là vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, vị nào muốn thì hãy hoan hỷ y của gia chủ...*” Các đề xuất còn lại tương tự như vậy.(3)

Xin nói thêm, khi đề cập sự việc này, Luật tạng của Thượng tọa bộ không nhắc đến từ “đầu đà”: “*Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ khước, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức.*”

Trong khi đó, Luật tạng của Pháp Tạng bộ có nhắc đến từ này: *“Nay, chúng ta có năm thắng pháp, cũng là hạnh đầu đà, thiếu dục, tri túc, ưa xuất ly.”*(5)

Ba là, trong giới luật Phật giáo, không có quy định nào bắt buộc người xuất gia thọ trì hạnh đầu đà. Đó là thông tin cần khẳng định. Điều kiện căn bản của người xuất gia không phải hạnh đầu đà, mà là giới tỳ kheo. Tu sĩ Phật giáo có thể phát nguyện giữ hoặc không giữ hạnh đầu đà, nhưng không thể không giữ giới tỳ kheo. Hạnh đầu đà không phải điều kiện “cần”, cũng chẳng phải điều kiện “đủ”, mà chỉ là điều kiện “bổ trợ”. Tùy theo khuynh hướng tu tập của từng cá nhân mà có thể lựa chọn lối tu này hoặc không.

Cũng nói thêm, cùng với giới tỳ kheo, Tứ y pháp (Bốn đối tượng nương nhờ) là nền tảng căn bản cho đời sống trung đạo của người xuất gia, được khẳng định trong Luật tạng của tất cả các bộ phái Phật giáo, bao gồm:

(1) Về ăn, nương nhờ khát thực, nhưng thí chủ cúng dường trai hội thì được nhận.

(2) Về mặc, nương nhờ y vá, nhưng thí chủ cúng dường y thì được nhận.

(3) Về ở, nương nhờ gốc cây, nhưng thí chủ cúng dường cốc am thì được nhận.

(4) Về bệnh, nương nhờ lá cỏ, nhưng thí chủ cúng dường thuốc thì được nhận.

Tứ y pháp giúp người xuất gia đoạn trừ sự dính mắc với ăn uống, y phục, chỗ ở, thuốc men. Có thể nhận thấy, Tứ y pháp khá gần gũi hạnh đầu đà, tuy nhiên có tính chất “mở”. Điều đó không phải là sự “dễ dãi” trong đời sống tu tập, mà nhằm tạo điều kiện thích nghi phù hợp cho mỗi cá nhân trong những hoàn cảnh cụ thể, tránh rơi vào cực đoan.



Người thực hành hạnh đầu đà là thiểu số

Về lịch sử, trong Tăng đoàn thời đức Phật, người thực hành hạnh đầu đà là bộ phận nhỏ. Số đông còn lại không thực hành lối tu này, hoặc chỉ ít họ có thể thực hành vào một giai đoạn nào đó trong quá trình tu tập, nhưng không phải xuyên suốt đời tu, kể cả đức Thế Tôn.

Như đã nói, gương mặt tiêu biểu cho hạnh đầu đà là Tôn giả Mahā Kassapa. Tuy nhiên trong Tăng đoàn, chỉ có hai Tôn giả được đức Phật tuyên bố là chuẩn mực hoàn hảo cho Tăng chúng là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên) dù hai vị không tu đầu đà, đặc biệt ngài Sāriputta được đức Thế Tôn tuyên bố là đủ khả năng “*thừa tự Như Lai vị*”.(6)

Vì sao ít người thọ trì hạnh đầu đà? Không phải do lối tu này quá kham khổ nên ít người có thể thực hành - như một số quan điểm gần đây nêu ra. Thực ra, đối với người xuất gia trong Phật giáo, đời sống tu tập của người không giữ hạnh đầu đà vốn đã khá giống với người giữ hạnh đầu đà, chỉ thêm bớt một số yếu tố. Chẳng hạn, họ mặc y vá, mặc ba y, sống bằng khát thực, khát thực thứ lớp, ăn mỗi ngày một bữa, ăn bằng bát, không nhận thức ăn dư, sống ở nơi vườn rừng vắng vẻ...

Khác chăng là, người không giữ hạnh đầu đà thì không hoàn toàn ràng buộc với một số điều kiện, họ có thể nhận y do thí chủ cúng dường, nhận lời mời đến gia

đình thí chủ để thọ thực, cư trú ở tịnh xá... Nói cách khác, sự khác biệt giữa người giữ hạnh đầu đà và người không giữ hạnh đầu đà không phải “có thực hành” hay “không thực hành”, mà là “thực hành triệt để” và “thực hành tùy duyên”. Cho nên, tu đầu đà đối với người xuất gia không phải là khó khăn, đến mức độ hiếm người đủ khả năng hành trì, trái lại đã gần như quen thuộc. Cho rằng hạnh đầu đà quá khó khăn để hành trì là nhận định chưa chính xác.

Trái lại, người thực hành hạnh đầu đà gặp hạn chế là khó hoằng pháp, vì giảm tối thiểu sự tiếp xúc với xóm làng. Trong khi đó, đức Thế Tôn chủ trương hoằng pháp, Ngài và Tăng đoàn đã tích cực hoằng pháp từ thôn quê đến thành thị, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ người hạ tiện đến người quý tộc... Công cuộc hoằng pháp vĩ đại ấy được tường thuật bằng bạc trong kinh tạng.

Tác giả: **Vĩnh Thông**

Số 388/21 Bình Hòa, Bình Thủy, Châu Phú, An Giang

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 9/2024

CHÚ THÍCH:

(1) Thích Phước Sơn (2010), Thanh tịnh đạo luận toàn yếu, Nxb Phương Đông, tr. 31-32.

(2) Thích Nguyên Tâm (2018), Từ điển Phật học tinh tuyển, Tập 2, Nxb Hồng Đức, tr. 256-257.

(3) Tạng luật: Phân tích giới Tỳ-khưu (2013), Tập I, Indacanda dịch, Buddhist Cultural Centre, tr. 451.

(4) Tạng luật: Phân tích giới Tỳ-khưu (2013), Sđd, tr. 451.

(5) Tứ phần luật (2006), Quyển 1, Thích Đồng Minh & Thích Đức Thắng dịch, Ban Tu thư Phật học, tr. 153.

(6) Kinh Trung bộ (2012), Tập II, Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo, tr. 180.

(7) Kinh Mi Tiên vấn đáp (2014), Giới Nghiêm dịch, Nxb Tôn giáo, tr. 523-524.